

Số: 10 /2023/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định định mức lập dự toán kinh phí, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ SÁU**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các biểu mẫu phục vụ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư;
Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;



MTT

Xét Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định định mức lập dự toán kinh phí, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động thăm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức lập dự toán kinh phí, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động thăm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình, Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, CTHĐ.



Nguyễn Tiên Thành



QUY ĐỊNH

Định mức lập dự toán kinh phí, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình
(Kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định định mức lập dự toán kinh phí, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
2. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh Thái Bình để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, cấp Bộ được thực hiện theo mức chi tương ứng tại Quy định này.
3. Các đơn vị huy động nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì khuyến khích áp dụng định mức theo Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước theo Quy định này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở; một số định mức chi cụ thể cho hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
2. Những nội dung không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là Thông tư số 03/2023/TT-BTC) và các quy định hiện hành của nhà nước.

MHTTY

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tối đa không quá 30 triệu đồng/người/tháng; định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tối đa không quá 25 triệu đồng/người/tháng;

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (1.000 VNĐ)	
			Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.500	1.200
2	Thư ký	Buổi	400	300
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	1.200	800
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	800	600
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	250	200

3. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này.

4. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức

chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tối đa không quá 150 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 5. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (1.000 VNĐ)	
			Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.200	900
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800	600
	Thư ký khoa học		250	200
	Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		550	450
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		550	450
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		400	300
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		

	Chủ tịch Hội đồng		1.400	1.100
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	900
	Thư ký khoa học		250	200
	Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		550	450
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	600
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.400	1.100
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	900
	Thư ký khoa học		250	200
	Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		550	450
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	600
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.200	900

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

Handwritten signature

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu để mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên liệu và dịch vụ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

a) Chi tiền thu lao:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (1.000 VNĐ)	
			Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	900	600
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	550	450
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	250	200
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	100

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Định mức chi hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư

1. Định mức chi cho hoạt động của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, chi thù lao lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập đối với công nghệ của dự án đầu tư

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức (1.000 VNĐ)
1	Chi Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ	Dự án	
	Chủ tịch Hội đồng		1.400
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200
	Thư ký khoa học		250
	Thư ký hành chính		250
	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	Phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		550
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800
2	Chi thù lao cho tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập	Phiếu ý kiến	500

2. Hỗ trợ công tác phí cho các thành viên Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, chuyên gia tư vấn độc lập (làm việc ngoài tỉnh) đối với công nghệ của dự án đầu tư được áp dụng theo mức chi về chế độ công tác phí tại Nghị quyết số 09/2017/NĐ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

2. Đối với hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư

a) Kinh phí tổ chức lấy ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư được thực hiện như sau:

- Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước;

- Trong giai đoạn quyết định đầu tư do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và được tính trong tổng mức đầu tư.

b) Đối với hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh;

c) Đối với hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh khác được thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

MSTK